



**Công ty TNHH HCL Vietnam**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 3 năm 2023



**Công ty TNHH HCL Vietnam**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký**

**Đầu tư số**

6588772554

ngày 3 tháng 3 năm 2020

Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 6588772554 ngày 22 tháng 2 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư của Công ty và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp và có giá trị trong vòng 50 năm kể từ ngày cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư đầu tiên.

**Giấy Chứng nhận Đăng ký**

**Doanh nghiệp số**

0109129844

ngày 16 tháng 3 năm 2020

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0109129844 ngày 10 tháng 3 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

**Hội đồng Thành viên**

Ông Raghu Raman Lakshmanan

Chủ tịch

Ông Sundaram Sridharan

Thành viên

Ông Bùi Tiến Long

Thành viên

Ông Shiv Kumar Walia

Thành viên

**Người đại diện  
theo pháp luật**

Ông Sundaram Sridharan

Giám đốc

Ông Bùi Tiến Long

Giám đốc

**Registered Office**

Tầng 17, Tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng  
Phường Cổ Nhuế, Quận Bắc Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty TNHH HCL Vietnam**  
**Báo cáo của Ban lãnh đạo**

Ban lãnh đạo Công ty TNHH HCL Vietnam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023.

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban lãnh đạo Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 31 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban lãnh đạo Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn. Ban lãnh đạo Công ty đã thuyết minh trong báo cáo tài chính các điều kiện liên quan đến đánh giá của Ban lãnh đạo về giả định hoạt động liên tục.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban lãnh đạo Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty



Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2023



KPMG Limited  
46th Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi Nhà đầu tư  
Công ty TNHH HCL Vietnam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty TNHH HCL Vietnam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban lãnh đạo Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 6 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 31.

### **Trách nhiệm của Ban lãnh đạo**

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban lãnh đạo Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban lãnh đạo Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH HCL Việt Nam tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-02-00136-23-1



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0557-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 29-06-2023

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 2594-2019-007-1

**Công ty TNHH HCL Vietnam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2023**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/3/2023 VND</b>	<b>1/4/2022 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>156.194.081.833</b>	<b>71.921.996.132</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>29.927.800.048</b>	<b>11.133.356.311</b>
Tiền	111		29.927.800.048	11.133.356.311
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>96.338.872.732</b>	<b>37.861.048.726</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	94.398.210.424	36.540.237.392
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		163.864.898	332.653.478
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	1.806.507.627	3.025.021.629
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(29.710.217)	(2.036.863.773)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>29.927.409.053</b>	<b>22.927.591.095</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10(a)	8.749.537.234	8.464.885.589
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		21.177.871.819	14.462.705.506
<b>Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>105.780.187.805</b>	<b>123.218.164.634</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.944.977.097</b>	<b>4.587.972.840</b>
Phải thu dài hạn khác	216	6	3.944.977.097	4.587.972.840
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>75.267.385.391</b>	<b>68.343.992.202</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	7	74.780.738.957	68.343.992.202
Nguyên giá	222		97.011.761.053	76.018.427.635
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.231.022.096)	(7.674.435.433)
Tài sản cố định vô hình	227	8	486.646.434	-
Nguyên giá	228		635.134.500	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(148.488.066)	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>202.541.100</b>	<b>19.481.921.948</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	9	202.541.100	19.481.921.948
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>26.365.284.217</b>	<b>30.804.277.644</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	10(b)	26.365.284.217	30.804.277.644
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>261.974.269.638</b>	<b>195.140.160.766</b>



*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty TNHH HCL Vietnam**

**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/3/2023 VND</b>	<b>1/4/2022 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>354.067.481.429</b>	<b>208.985.629.609</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>354.067.481.429</b>	<b>208.540.894.169</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	15.411.763.130	44.654.520.060
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	12	8.453.586.292	9.433.592.135
Thuế phải nộp Nhà nước	313	13	333.479.221	374.937.910
Phải trả người lao động	314		14.163.242.066	10.847.203.438
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	20.519.266.969	5.857.481.320
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		4.083.743.751	351.159.306
Vay ngắn hạn	320	15	291.102.400.000	137.022.000.000
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>444.735.440</b>
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	444.735.440
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>(92.093.211.791)</b>	<b>(13.845.468.843)</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>(92.093.211.791)</b>	<b>(13.845.468.843)</b>
Vốn góp	411	17	160.851.200.000	82.919.200.000
Lỗ lũy kế	421		(252.944.411.791)	(96.764.668.843)
- (Lỗ lũy kế)/LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		(96.764.668.843)	1.745.488.407
- Lỗ năm nay	421b		(156.179.742.948)	(98.510.157.250)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>261.974.269.638</b>	<b>195.140.160.766</b>

Ngày 28 tháng 6 năm 2023

Người lập:

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thảo  
Kế toán



Sundaram Sridharan  
Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty TNHH HCL Vietnam**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023**

**Mẫu B 02 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày 31/3/2023 VND	Năm kết thúc ngày 31/3/2022 VND
<b>Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>19</b>	<b>179.268.558.184</b>	<b>53.694.702.353</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>20</b>	<b>244.543.189.473</b>	<b>95.190.928.169</b>
<b>Lỗ gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>(65.274.631.289)</b>	<b>(41.496.225.816)</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	4.284.592.655	1.074.243.425
Chi phí tài chính	22	22	15.581.615.024	3.551.284.791
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.839.460.730	887.344.713
Chi phí bán hàng	25	23	16.121.852.089	12.495.800.685
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	63.415.543.759	42.431.017.079
<b>Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>(156.109.049.506)</b>	<b>(98.900.084.946)</b>
Chi phí khác	32		70.693.442	-
<b>Lỗ khác (40 = - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(70.693.442)</b>	<b>-</b>
<b>Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(156.179.742.948)</b>	<b>(98.900.084.946)</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>26</b>	<b>-</b>	<b>(389.927.696)</b>
<b>Lỗ sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>(156.179.742.948)</b>	<b>(98.510.157.250)</b>

Ngày 28 tháng 6 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Thị Thảo  
Kế toán

Người duyệt:



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty TNHH HCL Vietnam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm kết thúc ngày 31/3/2023 VND</b>	<b>Năm kết thúc ngày 31/3/2022 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lỗ trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>(156.179.742.948)</b>	<b>(98.900.084.946)</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		15.525.765.980	6.320.697.963
Các khoản dự phòng	03		(2.007.153.556)	2.036.863.773
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.016.320.727	(81.111.154)
Lỗ từ hoạt động đầu tư	05		46.564.191	-
Chi phí lãi vay	06		8.839.460.730	887.344.713
<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(131.758.784.876)</b>	<b>(89.736.289.651)</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(62.822.017.113)	(20.348.562.509)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(13.112.394.132)	28.907.220.564
Biến động chi phí trả trước	12		6.530.853.761	(32.837.396.430)
			<b>(201.162.342.360)</b>	<b>(114.015.028.026)</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(1.785.842.713)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(201.162.342.360)</b>	<b>(115.800.870.739)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(10.192.913.903)	(67.271.390.204)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(10.192.913.903)</b>	<b>(67.271.390.204)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

Công ty TNHH HCL Vietnam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày 31/3/2023 VND	Năm kết thúc ngày 31/3/2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		77.932.000.000	80.602.500.000
Tiền thu từ đi vay	33		152.217.700.000	104.837.800.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>230.149.700.000</b>	<b>185.440.300.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>18.794.443.737</b>	<b>2.368.039.057</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm (70 = 50)</b>	<b>60</b>		<b>11.133.356.311</b>	<b>8.765.317.254</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>29.927.800.048</b>	<b>11.133.356.311</b>

Ngày 28 tháng 6 năm 2023

Người lập:

Người duyệt:

Nguyễn Thị Thảo  
Kế toán



Sundaram Sundharan  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH HCL Vietnam (“Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam.

### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- dịch vụ tư vấn liên quan đến lắp đặt phần cứng máy tính (CPC 8410);
- dịch vụ tư vấn máy tính và phần mềm (CPC 842);
- dịch vụ xử lý dữ liệu (không bao gồm xử lý dữ liệu trong ngành viễn thông);
- dịch vụ cơ sở dữ liệu (CPC 844); và
- dịch vụ máy tính khác (CPC 849).

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, Công ty có 681 nhân viên (1/4/2022: 483 nhân viên).

## **2. Cơ sở đo lường**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.



**(c) Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Lỗ thuần sau thuế trong năm của Công ty là 156 tỷ VND (Năm kết thúc ngày 31/3/2022: 99 tỷ VND), lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty là âm 201 tỷ VND (Năm kết thúc ngày 31/3/2022: âm 116 tỷ VND). Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 198 tỷ VND (1/4/2022: 137 tỷ VND) và tổng nợ phải trả đã vượt quá tổng tài sản là 92 tỷ VND (1/4/2022: 14 tỷ VND). Hơn nữa, Công ty có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 15). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc công ty mẹ cấp cao nhất tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban lãnh đạo Công ty tin rằng công ty mẹ cấp cao nhất sẽ không tiếp tục sự hỗ trợ của họ.

**(d) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 31 tháng 3.

**(e) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá bán chuyển khoản và mua chuyển khoản tương ứng của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.



**(c) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(d) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nâng cấp tài sản thuê	5 - 7 năm
▪ máy móc và thiết bị	10 năm
▪ thiết bị công nghệ thông tin (“CNTT”)	5 năm
▪ dụng cụ văn phòng	5 - 7 năm

**(e) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**(f) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các nguyên giá của dụng cụ văn phòng chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

**(g) Chi phí trả trước dài hạn**

***Công cụ và dụng cụ***

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 4 năm.

**(h) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(i) Vốn góp**

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

**(j) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(k) Doanh thu**

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.



**(l) Thuê tài sản**

***Các khoản thanh toán tiền thuê***

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(m) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

**(n) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới nhà đầu tư, công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

**(o) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/3/2023 VND	1/4/2022 VND
Tiền gửi ngân hàng	29.927.800.048	11.133.356.311

**Công ty TNHH HCL Vietnam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Phải thu của khách hàng**

**Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và các bên liên quan**

	<b>31/3/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/4/2022</b> <b>VND</b>
<b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b>		
HCL Technologies Limited	106.949.468	4.178.520.765
<b>Các công ty liên quan</b>		
HCL Technologies Corporate Services Limited	22.342.094.410	4.339.823.810
HCL Japan Limited	15.146.508.558	5.414.866.478
HCL Australia Services Pty. Limited	14.080.585.982	142.443.712
HCL America Solutions Inc.	12.011.354.544	-
HCL Singapore Pte. Limited	7.824.362.793	4.869.534.654
HCL Technologies Sweden AB	1.979.982.339	-
HCL (Ireland) Information Systems Limited	1.598.058.777	-
HCL Hong Kong SAR Limited	1.545.004.857	2.188.334.282
HCL Technologies B.V.	1.479.075.235	-
HCL Technologies Belgium BVBA	1.101.273.719	-
HCL Axon Solutions (Shanghai) Co. Ltd.	1.051.748.500	-
HCL America Inc.	405.059.365	1.122.271.237
HCL Technologies Ltd.- Chi nhánh Thụy Sĩ	-	1.196.566.490
Các công ty liên quan khác	5.448.130.872	1.733.929.373
<b>Các bên khác</b>		
Công ty TNHH Bosch Global Software Technologies	6.998.620.929	1.194.401.120
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vinfast	902.300.000	-
Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt nam	377.100.076	76.812.312
Công ty TNHH Sherwin-Williams (Việt Nam)	-	7.659.901.268
Công ty TNHH IBM Việt Nam	-	2.393.369.336
Các công ty khác	-	29.462.555
	<b>94.398.210.424</b>	<b>36.540.237.392</b>

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 60 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.



## 6. Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác

	31/3/2023 VND	1/4/2022 VND
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>		
Đặt cọc theo hợp đồng thuê văn phòng	1.300.000.000	2.838.831.199
Các khoản phải thu khác	506.507.627	186.190.430
	1.806.507.627	3.025.021.629
<b>Các khoản phải thu dài hạn khác</b>		
Đặt cọc theo hợp đồng thuê văn phòng	3.944.977.097	4.587.972.840



7. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nâng cấp tài sản thuê VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị CNTT VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	33.256.508.145	11.453.942.108	30.920.142.066	387.835.316	76.018.427.635
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang Thanh lý	17.092.785.986 -	550.465.660 -	6.116.346.468 (3.128.445.030)	362.180.334 -	24.121.778.448 (3.128.445.030)
Số dư cuối năm	50.349.294.131	12.004.407.768	33.908.043.504	750.015.650	97.011.761.053
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	938.987.459	229.424.430	6.490.810.387	15.213.157	7.674.435.433
Khấu hao trong năm Thanh lý	8.157.826.806 -	1.198.329.410 -	5.902.031.188 (820.691.251)	119.090.510 -	15.377.277.914 (820.691.251)
Số dư cuối năm	9.096.814.265	1.427.753.840	11.572.150.324	134.303.667	22.231.022.096
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	32.317.520.686	11.224.517.678	24.429.331.679	372.622.159	68.343.992.202
Số dư cuối năm	41.252.479.866	10.576.653.928	22.335.893.180	615.711.983	74.780.738.957

## 8. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	-
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	635.134.500
Số dư cuối năm	635.134.500
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	-
Khấu hao trong năm	148.488.066
Số dư cuối năm	148.488.066
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	-
Số dư cuối năm	486.646.434

**Công ty TNHH HCL Vietnam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>31/3/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/4/2022</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	19.481.921.948	995.595.488
Tăng trong năm	7.873.629.392	19.241.952.484
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(24.121.778.448)	(755.626.024)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(635.134.500)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(2.396.097.292)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>202.541.100</b>	<b>19.481.921.948</b>

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh nguyên giá của dụng cụ văn phòng chưa lắp đặt xong.

**10. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/3/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/4/2022</b> <b>VND</b>
Chi phí thuê	5.147.678.040	5.196.409.974
Phí dịch vụ	227.910.391	1.390.294.800
Chi phí bảo trì và phí bản quyền thường niên	2.149.205.349	756.123.947
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.224.743.454	1.122.056.868
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.749.537.234</b>	<b>8.464.885.589</b>

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Công cụ và dụng cụ</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	30.804.277.644
Tăng trong năm	1.266.294.654
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.396.097.292
Phân bổ trong năm	(8.081.800.060)
Thanh lý	(19.585.313)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>26.365.284.217</b>



## 11. Các khoản phải trả người bán

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/3/2023 VND	1/4/2022 VND
<b>Các bên liên quan</b>		
HCL Technologies Limited	5.230.923.182	2.486.854.824
HCL Singapore Pte. Limited	202.175.488	193.216.896
HCL Canada Inc.-SD	184.139.082	193.721.028
Công ty TNHH HCL Technologies Việt Nam	95.784.606	2.082.287.139
HCL Technologies (Shanghai) Limited	14.583.537	15.383.217
<b>Các bên khác</b>		
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	4.741.023.500	120.983.500
Công ty Cổ phần Tin học Lạc Việt	3.016.365.440	-
Công ty TNHH Modernform	-	15.328.109.929
Công ty TNHH Mossad Việt Nam	-	5.756.712.500
VFM Systems Hong Kong Co., Ltd.	-	1.643.909.243
Các nhà cung cấp khác	1.926.768.295	16.833.341.784
	15.411.763.130	44.654.520.060

## 12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/3/2023 VND	1/4/2022 VND
<b>Các công ty liên quan</b>		
HCL Technologies UK Limited	2.898.698.024	3.425.550.000
HCL Technologies Malaysia Sdn. Bhd.	1.989.643.636	2.323.710.881
HCL Technologies Germany GmbH	1.946.403.646	1.605.294.793
Công ty TNHH HCL Technologies Việt Nam	1.126.110.265	1.133.169.425
HCL Technologies Middle East FZ-LLC	492.730.721	-
HCL Singapore Pte. Limited	-	945.867.036
	8.453.586.292	9.433.592.135

### 13. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/4/2022 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ điều chỉnh trong năm VND	31/3/2023 VND
Thuế nhà thầu nước ngoài	374.937.910	-	(41.458.689)	333.479.221
Thuế thu nhập cá nhân	-	22.249.614.980	(22.249.614.980)	-
	374.937.910	22.249.614.980	(22.291.073.669)	333.479.221

### 14. Chi phí phải trả

	31/3/2023 VND	1/4/2022 VND
Chi phí tiếp thị	252.300.088	1.476.529.481
Vật liệu tiêu hao cho máy tính	343.712.935	554.812.194
Bảo trì sửa chữa	1.913.953.628	491.648.766
Chi phí dịch vụ pháp lý và dịch vụ chuyên môn	158.319.645	292.071.038
Lãi vay	9.709.621.717	950.498.548
Trích trước tiền lương cho thời gian nghỉ phép	7.087.093.184	-
Chi phí phải trả khác	1.054.265.772	2.091.921.293
	20.519.266.969	5.857.481.320



## 15. Vay ngắn hạn

	1/4/2022 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm Tăng VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	31/3/2023 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	137.022.000.000	152.217.700.000	1.862.700.000	291.102.400.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn sổ dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/3/2023 VND	1/4/2022 VND
HCL Technologies UK Limited – nhà đầu tư	USD	LIBOR + 1%	291.102.400.000	137.022.000.000

Khoản vay ngắn hạn từ nhà đầu tư không có đảm bảo.

## 16. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp VND	Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế) VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/4/2021	2.316.700.000	1.745.488.407	4.062.188.407
Góp vốn	80.602.500.000	-	80.602.500.000
Lỗ thuần trong năm	-	(98.510.157.250)	(98.510.157.250)
Số dư tại ngày 1/4/2022	82.919.200.000	(96.764.668.843)	(13.845.468.843)
Góp vốn	77.932.000.000	-	77.932.000.000
Lỗ thuần trong năm	-	(156.179.742.948)	(156.179.742.948)
Số dư tại ngày 31/3/2023	160.851.200.000	(252.944.411.791)	(92.093.211.791)

## **17. Vốn góp**

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Công ty là:

	<b>31/3/2023</b>			
	<b>Được duyệt</b>		<b>Đã góp</b>	
	<b>VND</b>	<b>Tương đương USD</b>	<b>VND</b>	<b>Tương đương USD</b>
HCL Technologies UK Limited	156.072.500.000	7.000.000	160.851.200.000	7.000.000

  

	<b>1/4/2022</b>			
	<b>Được duyệt</b>		<b>Đã góp</b>	
	<b>VND</b>	<b>Tương đương USD</b>	<b>VND</b>	<b>Tương đương USD</b>
HCL Technologies UK Limited	156.072.500.000	7.000.000	82.919.200.000	3.600.000

Nhà đầu tư, HCL Technologies UK Limited, được thành lập tại Vương Quốc Anh và công ty mẹ cao cấp nhất, HCL Technologies Limited, được thành lập tại Ấn Độ.

Biến động vốn điều lệ đã góp trong năm như sau:

	<b>Năm kết thúc ngày 31/3/2023 VND</b>	<b>Năm kết thúc ngày 31/3/2022 VND</b>
Số dư đầu năm	82.919.200.000	2.316.700.000
Góp vốn bằng tiền mặt bởi HCL Technologies UK Limited	77.932.000.000	80.602.500.000
Số dư cuối năm	160.851.200.000	82.919.200.000



## 18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

### (a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê không được hủy ngang như sau:

	31/3/2023 VND	1/4/2022 VND
Trong vòng 1 năm	24.201.891.360	15.858.926.800
Từ 2 đến 5 năm	44.350.404.120	44.341.135.488
	<u>68.552.295.480</u>	<u>60.200.062.288</u>

### (b) Ngoại tệ

	31/3/2023		1/4/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	874.723	20.534.996.209	248.125	5.666.434.965

## 19. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

## 20. Giá vốn hàng bán

	Năm kết thúc ngày 31/3/2023 VND	Năm kết thúc ngày 31/3/2022 VND
Chi phí nhân công	184.725.559.999	59.437.929.105
Chi phí khấu hao	21.458.272.216	-
Nguyên vật liệu và dịch vụ	6.413.494.078	7.108.408.502
Chi phí thuê văn phòng	13.433.174.832	16.774.271.904
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.279.252.321	11.500.199.705
Chi phí khác	233.436.027	370.118.953
	<u>244.543.189.473</u>	<u>95.190.928.169</u>

## 21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm kết thúc ngày 31/3/2023 VND	Năm kết thúc ngày 31/3/2022 VND
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.284.592.655	950.736.229
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	123.507.196
	<u>4.284.592.655</u>	<u>1.074.243.425</u>

## 22. Chi phí tài chính

	Năm kết thúc ngày 31/3/2023 VND	Năm kết thúc ngày 31/3/2022 VND
Chi phí lãi vay	8.839.460.730	887.344.713
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.725.833.567	2.621.544.036
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.016.320.727	42.396.042
	<u>15.581.615.024</u>	<u>3.551.284.791</u>

## 23. Chi phí bán hàng

	Năm kết thúc ngày 31/3/2023 VND	Năm kết thúc ngày 31/3/2022 VND
Chi phí nhân viên	12.664.199.334	8.935.019.569
Chi phí tiếp thị	2.362.893.359	3.133.582.331
Các chi phí bán hàng khác	1.094.759.396	427.198.785
	<u>16.121.852.089</u>	<u>12.495.800.685</u>

## 24. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm kết thúc ngày 31/3/2023 VND	Năm kết thúc ngày 31/3/2022 VND
Chi phí nhân viên	51.073.758.140	25.688.406.817
Khấu hao và phân bổ	2.149.293.824	8.494.489.164
Chi phí thuê văn phòng	1.345.487.624	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.851.362.450	4.564.239.717
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(2.007.153.556)	2.036.863.773
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.002.795.277	1.647.017.608
	<b>63.415.543.759</b>	<b>42.431.017.079</b>

## 25. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Năm kết thúc ngày 31/3/2023 VND	Năm kết thúc ngày 31/3/2022 VND
Chi phí nhân viên	248.463.517.473	94.061.355.491
Chi phí khấu hao	15.525.765.980	6.320.697.963
Chi phí phân bổ	8.081.800.060	2.173.791.201
Chi phí thuê văn phòng	14.778.662.456	16.774.271.904
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.907.002.208	26.306.430.255
Dự phòng phải thu khó đòi	(2.007.153.556)	2.036.863.773
Chi phí khác	2.330.990.700	2.444.335.346

## 26. Thuế thu nhập

### (a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Năm kết thúc ngày 31/3/2023 VND	Năm kết thúc ngày 31/3/2022 VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Dự phòng thừa trong kỳ trước	-	(389.927.696)

### (b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Năm kết thúc ngày 31/3/2023 VND	Năm kết thúc ngày 31/3/2022 VND
Lỗ kế toán trước thuế	(156.179.742.948)	(98.900.084.946)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(31.235.948.590)	(19.780.016.989)
Chi phí không được khấu trừ thuế	242.856.744	82.596.775
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	30.993.091.846	19.697.420.214
Dự phòng thừa trong kỳ trước	-	(389.927.696)
	-	(389.927.696)

### (c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/3/2023		1/4/2022	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	28.820.261.395	5.764.052.279	17.457.458.090	3.491.491.618
Lỗ tính thuế (*)	234.571.501.756	46.914.300.351	90.968.845.831	18.193.769.166
	263.391.763.151	52.678.352.630	108.426.303.921	21.685.260.784



**Công ty TNHH HCL Vietnam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(\*) Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

<b>Năm hết hiệu lực</b>	<b>Tình hình quyết toán</b>	<b>Số lỗ được khấu trừ VND</b>
Năm kết thúc ngày 31/3/2027	Chưa quyết toán	90.968.845.831
Năm kết thúc ngày 31/3/2028	Chưa quyết toán	143.602.655.925
		<hr/>
		234.571.501.756

Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ bao gồm phần chi phí lãi vay được chuyển sang khấu trừ vào các kỳ tính thuế tiếp theo theo quy định của Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020. Khoản chênh lệch tạm thời này hết hiệu lực vào các năm sau:

<b>Năm hết hiệu lực</b>	<b>Số chi phí lãi vay được khấu trừ trong kỳ sau VND</b>
Năm kết thúc ngày 31/3/2027	887.344.713
Năm kết thúc ngày 31/3/2028	8.839.460.730
	<hr/>
	9.726.805.443

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

**(d) Thuế suất áp dụng**

Theo các quy định hiện hành về thuế, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất là 20%.

## 27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Năm kết thúc ngày 31/3/2023 VND	Năm kết thúc ngày 31/3/2022 VND
<b>Nhà đầu tư</b>		
<b>HCL Technologies UK Limited</b>		
Góp vốn	77.932.000.000	80.602.500.000
Vay	152.217.700.000	104.837.800.000
Chi phí lãi vay	8.836.368.644	887.344.713
Cung cấp dịch vụ	1.503.101.045	659.434.400
<b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b>		
<b>HCL Technologies Limited</b>		
Cung cấp dịch vụ	389.300.120	4.832.315.988
Phí tư vấn	426.699.797	2.095.935.822
Thanh toán hộ	2.357.951.448	-
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>HCL Singapore Pte. Limited</b>		
Cung cấp dịch vụ	21.251.693.596	10.700.973.335
Phí tư vấn	-	191.830.682
<b>HCL Technologies Corporate Services Limited</b>		
Cung cấp dịch vụ	49.575.032.590	6.485.259.550
<b>HCL America Inc.</b>		
Cung cấp dịch vụ	1.229.024.331	1.344.926.577
<b>HCL Technologies Ltd. – Chi nhánh Thụy Sĩ</b>		
Cung cấp dịch vụ	7.717.599.996	2.747.866.887
<b>HCL Hong Kong SAR Limited</b>		
Cung cấp dịch vụ	4.842.084.432	2.312.797.808
<b>HCL Japan Limited, Japan</b>		
Cung cấp dịch vụ	16.143.915.223	5.414.866.478
<b>Hcl Technologies Czech Republic S.R.O.</b>		
Cung cấp dịch vụ	958.877.455	1.437.717.479
<b>HCL Technologies France</b>		
Cung cấp dịch vụ	2.072.605.114	1.344.036.061

**Công ty TNHH HCL Vietnam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Năm kết thúc ngày 31/3/2023 VND</b>	<b>Năm kết thúc ngày 31/3/2022 VND</b>
<b>HCL Technologies Sweden AB</b>		
Cung cấp dịch vụ	2.366.820.288	-
<b>HCL (Ireland) Information Systems Limited.</b>		
Cung cấp dịch vụ	2.275.506.007	-
<b>HCL Hong Kong SAR Limited</b>		
Cung cấp dịch vụ	4.842.084.432	2.312.797.808
<b>HCL Technologies B.V.</b>		
Cung cấp dịch vụ	1.479.075.235	-
<b>HCL Technologies Belgium BVBA</b>		
Cung cấp dịch vụ	1.101.273.719	-
<b>HCL Axon Solutions (Shanghai) Co. Ltd.</b>		
Cung cấp dịch vụ	1.051.748.500	-
<b>HCL Technologies Germany GmbH</b>		
Cung cấp dịch vụ	1.331.318.193	3.459.197.168
<b>HCL America Solutions Inc.</b>		
Cung cấp dịch vụ	16.065.536.229	99.192.688
<b>HCL Australia Services Pty. Limited</b>		
Cung cấp dịch vụ	20.140.655.638	161.467.447
<b>Các công ty liên quan khác</b>		
Cung cấp dịch vụ và phí tư vấn	13.692.174.870	1.192.514.524

**Công ty TNHH HCL Vietnam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **28. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 4 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022.

Ngày 28 tháng 6 năm

2023 Người lập:

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thảo  
Kế toán



Sundaram Sundaram  
Giám đốc

T.N.H.H  
★  
01/